

Bản án số: 83/2022/HS-ST

Ngày: 29 – 6 – 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông: Nguyễn Thanh Tú Em.

2/ Bà: Lê Thị Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1/ Mai Thanh P**, sinh năm: 1994, tại: Thành phố H; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số 451/17/14 PTH, Phường B, Quận T, Thành phố H; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Thu V; có vợ và 02 con. Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 204/2016/HSST, ngày 24/11/2016, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/7/2020. Tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 331/2009/HSST, ngày 29/7/2009, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”; chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 20/5/2011. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2012/HSST, ngày 07/9/2012, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”; chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 06/6/2015. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2021 đến nay. (Có mặt).

**2/ Tô Văn G (tên gọi khác: D)**, sinh năm: 1993, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số 124C B Đ, Phường M, Quận T, Thành phố H; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn S (đã chết) và bà Tô Song H; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 403/2009/HSST, ngày 18/9/2009, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 02 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”; sau đó bị cáo kháng cáo; ngày 12/01/2010, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm và tuyên phạt 09 tháng 25 ngày tù (theo Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2010/HSPT, ngày 12/01/2021); chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 18/8/2010. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2013/HSST, ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”; chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 28/6/2017. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2021 đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1992, nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã TC, huyện TP, tỉnh Đ; chỗ ở: Số 3 đường số 152A CL, Phường B, Quận T, Thành phố H). (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, nên vào khoảng 15 giờ, ngày 24/6/2021, Mai Thanh P dùng điện thoại di động gọi rủ Tô Văn G đi cướp giật tài sản thì được G đồng ý, cả hai hẹn gặp nhau ở cầu NTĐ, Phường M, Quận T.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, G đi xe ôm đến điểm hẹn gặp P và P giao xe mô tô biển số 59L2-341.96 cho G chở P ngồi sau quan sát tìm tài sản. Khi cả hai đi đến trước số 77 TQB, Phường H, Quận T thì P phát hiện chị Nguyễn Thị Yến N đang cầm điện thoại nên P chỉ cho G thấy. Lúc này, G điều khiển xe áp sát chị N để P dùng tay giật lấy điện thoại của chị N; sau đó G tăng ga xe bỏ chạy. Bị giật tài sản bất ngờ, chị N truy hô. Khi xe của G và P chạy đến trước số 131 NTT, Phường H, Quận T thì bị va chạm với người đi đường nên té ngã; lúc này, có anh Trương Hoàng K và anh Dương Lại Anh K hỗ trợ bắt giữ G và P, thu giữ vật chứng. Sau đó vụ việc được đưa về trụ sở Công an Phường 2, Quận 8 lập biên bản bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 8, Mai Thanh P và Tô Văn G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của P phù hợp với lời khai của G và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 26/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận giá trị còn lại của 01 điện thoại di động hiệu Samsung S20+, màu xám là 14.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ liên quan:

- 01 điện thoại Samsung S20+ là tài sản của chị N bị chiếm đoạt. Ngày 15/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị Yến N.

- 01 xe mô tô biển số 59L2-341.96, là phương tiện phạm tội. Qua điều tra xác minh do anh Trương Anh Dũng là chủ sở hữu. Ngày 24/6/2021, anh Dũng cho P mượn xe và không biết P sử dụng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản; nên ngày 17/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả lại xe trên cho anh Dũng.

- 01 điện thoại hiệu OPPO (thu giữ của Mai Thanh P) và 01 điện thoại hiệu Samsung A50S (thu giữ của Tô Văn G), các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Yến N yêu cầu được bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là chi phí sửa chữa chiếc điện thoại bị hư hỏng do các bị cáo gây ra.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSQ8 ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

1/ Bị cáo Mai Thanh P về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2/ Bị cáo Tô Văn G về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Mai Thanh P mức án từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù.

- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Tô Văn G mức án từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo (do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành).

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc 02 bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 02 điện thoại di động đã thu giữ của 02 bị cáo.

\* Các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa; các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của người tiến hành tổ tụng, của Cơ quan tiến hành tổ tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng phương tiện là xe gắn máy có phân khối lớn, rồi nhanh chóng tiếp cận để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung S20+, màu xám của bị hại Nguyễn Thị Yến N, vào khoảng hơn 15 giờ 30 phút, ngày 24/6/2021, tại trước số 77 TQB, Phường H, Quận T, Thành phố H. Sau đó, trên đường tẩu thoát rời khỏi hiện trường thì bị bắt giữ cùng vật chứng.

Xét lời khai nhận của các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

[3] Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Yến N trị giá là 14.500.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng).

Do đó, với hành vi đã thực hiện và trị giá tài sản bị chiếm đoạt; đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét khi phạm tội, các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G đã sử dụng xe gắn máy có phân khối lớn làm phương tiện di chuyển rồi bất ngờ áp sát, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau đó lập tức tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như của những người tham gia giao thông và chính bản thân của các bị cáo; nên các bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, đối với bị cáo Mai Thanh P trong lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vì vậy, bị cáo Mai Thanh P phải bị xét xử theo quy định tại điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Tô Văn G phải bị xét xử theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo có quá trình nhân thân xấu (đã từng nhiều lần bị Tòa án xét xử), lẽ ra các bị cáo phải biết tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm và phấn đấu thành công dân sống có ích cho gia đình, cho xã hội; ngược lại, các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình

phạt theo quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[7] Về tính đồng phạm trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, không có tính tổ chức; trong đó, bị cáo Mai Thanh P giữ vai trò chính (là người rủ rê, chuẩn bị sẵn phương tiện để phạm tội (xe gắn máy), trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo Tô Văn G tham gia vụ án với vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực (là người trực tiếp điều khiển xe gắn máy chở bị cáo P ngồi phía sau thực hiện hành vi phạm tội). Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm, cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt cho phù hợp.

[8] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, nhưng xét thấy cả hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho các bị cáo phần hình phạt bổ sung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại Nguyễn Thị Yến N đã nhận lại tài sản và có yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường một lần số tiền 10.000.000 đồng (là chi phí sửa chữa lại chiếc điện thoại di động bị hư hỏng do các bị cáo P và G gây ra khi thực hiện hành vi phạm tội). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu của bị hại (mỗi bị cáo là 1/2 của số tiền 10.000.000 đồng), nhưng các bị cáo xin được thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa các bị cáo và bị hại đã thống nhất với nhau số tiền các bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 10.000.000 đồng, nhưng hai bên không thống nhất về phương thức, thời gian thực hiện bồi thường.

Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, các bị cáo Mai Thanh P, Tô Văn G phải có trách nhiệm liên đới thực hiện bồi thường một lần số tiền nêu trên cho bị hại N, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền (mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng).

[11] Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô biển số 59L2-341.96: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng, số seri: 4SMREMEAHM55FYKB, số IMEI1: 8650410516787315, số IMEI2: 865041051687307 và 01 điện thoại di động

hiệu SAMSUNG A50S, màu xanh biển, số seri: R58MA4911RW, số IMEI1: 352049110575736, số IMEI2: 352050110575734; là tài sản hợp pháp của các bị cáo và đã dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: Bị cáo Mai Thanh P 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24/6/2021.

- Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: Bị cáo Tô Văn G 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 24/6/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mai Thanh P và bị cáo Tô Văn G.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Mai Thanh P và bị cáo Tô Văn G, mỗi bị cáo thực hiện bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Yến N, với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng, số seri: 4SMREMEAHM55FYKB, số IMEI1: 8650410516787315, số IMEI2: 865041051687307 và 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A50S, màu xanh

biên, số seri: R58MA4911RW, số IMEI1: 352049110575736, số IMEI2: 352050110575734;

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 17/01/2022, tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, TP.HCM).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Mai Thanh P, Tô Văn G; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trọng Trúc**